DRAGON CAPITAL

Số :2803/DCVFM.2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP/ Fund name: DCVFMVNMIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 28/03/2023
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	AAA	400	0.45%
2	AGG	100	0.35%
3	ASM	400	0.41%
4	BCG	600	0.48%
5	BMP	100	0.72%
6	BWE	100	0.53%
7	CII	400	0.73%
8	CMG	100	0.50%
9	CTD	100	0.49%
10	CTR	100	0.69%
11	DBC	300	0.51%
12	DCM	300	0.91%
13	DGC	400	2.52%
14	DGW	200	0.81%
15	DHC	100	0.49%
16	DIG	800	1.31%
17	DPM	300	1.25%
18	DXG	1,000	1.50%
19	EIB	2,300	5.45%
20	FRT	100	0.80%
21	GEG	200	0.35%
22	GEX	1,100	1.70%
23	GMD	500	3.18%
24	HBC	400	0.40%
25	HCM	500	1.53%
26	HDG	300	1.11%
27	HSG	900	1.81%
28	KBC	1,100	3.13%
29	KDC	300	2.22%
30	KDH	900	2.96%
31	KOS	100	0.47%
32	LPB	2,900	5.52%
33	MSB	3,200	4.79%
34	NKG	400	0.80%
35	NLG	500	1.57%
36	NT2	200	0.71%
37	OCB	1,500	2.91%
38	PAN	300	0.61%
39	PC1	300	1.02%
40	PHR	100	0.49%
41	PNJ	500	4.82%
42	PTB	100	0.49%
43	PVD	500	1.25%
44	PVT	300	0.75%
45	REE	300	2.52%
46	SAM	700	0.50%
47	SBT	600	1.07%
48	SCR	600	0.50%
49	SCS	100	0.82%
50	SHB	4,800	6.30%
51	SJS	100	0.53%

STT Order	Mã chứng khoán Securities Symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
52	SSB	2,500	9.77%
53	TCH	800	0.72%
54	VCG	400	1.04%
55	VCI	600	2.37%
56	VGC	100	0.40%
57	VHC	200	1.34%
58	VND	1,800	3.43%
59	VPI	200	1.37%
60	VSH	100	0.47%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 799,761,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 811,011,815

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 11,250,815

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
CTD	44,000	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
LPB	16,995	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
MSB	13,365	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	86,020	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	74,800	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
HCM	27,335	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
VCI	35,200	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) **28/03/2023**	Kỳ trước/Last period (**) **27/03/2023**	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	9,400,000	9,400,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	8,100	8,070	30
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	76,235,110,621	75,679,901,476	555,209,145
của một lô ETF/per Creation Unit	811,011,815	805,105,334	5,906,481
của một chứng chỉ quỹ/per Share	8,110.11	8,051.05	59.06
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Inc	1,298.19	1,299.44	-1.25

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 27/03/2023

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 26/03/2023

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Nguyễn Minh Đăng Khánh

Giám đốc điều hành Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 29/03/2023